

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa Phục hồi chức năng Tuệ Anh thuộc Hộ kinh doanh Phòng khám Tuệ Anh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám chuyên khoa Phục hồi chức năng Tuệ Anh thuộc Hộ kinh doanh Phòng khám Tuệ Anh (Mã hồ sơ: H24.18-260525-180028);

Căn cứ Biên bản thẩm định và Biên bản sau khắc phục của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 2170/QĐ-SYT ngày 09/06/2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám chuyên khoa Phục hồi chức năng Tuệ Anh thuộc Hộ kinh doanh Phòng khám Tuệ Anh;

- Địa chỉ: Tầng 2, lô TT1-KD-28A-01 Nguyễn Đồng Chi, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng;

- Hình thức tổ chức: Phòng khám chuyên khoa;

- Số GPHĐ: 001776/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Hứa Thành Chung;

Số CCHN: 004753/HD-CCHN do Sở Y tế Hải Dương cấp ngày 13/01/2014;

- Thời gian hoạt động: Từ 17 giờ 15 đến 21 giờ 30 từ thứ Hai đến thứ Sáu và từ 07 giờ 00 đến 21 giờ 00 thứ Bảy, Chủ Nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh Phục hồi chức năng và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt.

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 93 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Phòng khám chuyên khoa Phục hồi chức năng Tuệ Anh thuộc Hộ kinh doanh Phòng khám Tuệ Anh có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám chuyên khoa Phục hồi chức năng Tuệ Anh thuộc Hộ kinh doanh Phòng khám Tuệ Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, PGD Tr.Q.Trinh, PGD Ng.T.T.Chính;
- UBND phường Tân Hưng;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHNYD (02).

GIÁM ĐỐC



Lê Minh Quang

**Phụ lục: Phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại
Phòng khám chuyên khoa Phục hồi chức năng Tuệ Anh thuộc Hộ kinh doanh
Phòng khám Tuệ Anh**

(Kèm theo Quyết định số: 2884 /QĐ-SYT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1	14737	17.7	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng các dòng điện xung
2	14738	17.8	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng siêu âm
3	14739	17.9	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng sóng xung kích
4	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
5	14746	17.16	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
6	14747	17.17	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
7	14834	17.104	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập nuốt
8	14835	17.105	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập nói
9	14836	17.106	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập nhai
10	14837	17.107	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập phát âm
11	14905	17.175	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh
12	14906	17.176	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hóa cơ
13	14907	17.177	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
14	14821	17.91	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis floor)
15	14957	17.227	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng tiêm Corticoid trong sẹo, dưới sẹo
16	14979	17.249	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kéo nắn, kéo giãn cột ống, các khớp
17	14980	17.250	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập do cứng khớp
18	14960	17.230	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng giày, nẹp chỉnh hình điều trị các dị tật bàn chân (bàn chân bẹt, bàn chân lõm, bàn chân vẹo trong, bàn chân vẹo ngoài...)
19	14983	BS_17.253	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Hướng dẫn luyện giọng để phục hồi giọng nói

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
20	14945	17.215	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị loạn trương lực cơ cổ
21	14946	17.216	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị loạn trương lực cơ khu trú
22	14885	17.155	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng
23	14877	17.147	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực - thắt lưng TLSO (điều trị cong vẹo cột sống)
24	14959	17.229	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Kỹ thuật điều trị sẹo lồi bằng băng áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo, gel silicol và các sản phẩm tế bào
25	14770	17.40	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập dáng đi
26	14943	17.213	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Đo áp lực bàn chân bằng máy để tư vấn sử dụng giày, dép cho người bệnh đái tháo đường
27	15027	18.43	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
28	751	2.349	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp gối
29	752	2.350	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
30	753	2.351	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp háng
31	754	2.352	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
32	755	2.353	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp khuỷu
33	756	2.354	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
34	757	2.355	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ chân
35	758	2.356	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
36	759	2.357	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ tay
37	760	2.358	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
38	761	2.359	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp vai
39	762	2.360	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
40	763	2.361	02. NỘI KHOA	Hút nang bao hoạt dịch
41	764	2.362	02. NỘI KHOA	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm
42	783	2.381	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp gối
43	784	2.382	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp háng
44	785	2.383	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ chân
45	786	2.384	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón chân

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
46	787	2.385	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ tay
47	788	2.386	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón tay
48	789	2.387	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đốt ngón tay
49	790	2.388	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp khuỷu tay
50	791	2.389	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp vai
51	792	2.390	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp ức đòn
52	793	2.391	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp ức - sườn
53	794	2.392	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đòn - cùng vai
54	795	2.393	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp thái dương hàm
55	796	2.394	02. NỘI KHOA	Tiêm ngoài màng cứng
56	797	2.395	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cùng chậu
57	798	2.396	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm trám quay (mỏm trám trụ)
58	799	2.397	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay
59	800	2.398	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối
60	801	2.399	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng DeQuervain
61	802	2.400	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay
62	803	2.401	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gấp ngón tay
63	804	2.402	02. NỘI KHOA	Tiêm gân nhị đầu khớp vai
64	805	2.403	02. NỘI KHOA	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
65	806	2.404	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai
66	807	2.405	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm trám quay (trám trụ)
67	808	2.406	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gót
68	809	2.407	02. NỘI KHOA	Tiêm cân gan chân
69	810	2.408	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống cổ
70	811	2.409	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng
71	812	2.410	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống ngực
72	813	2.411	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
73	814	2.412	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
74	815	2.413	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
75	816	2.414	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm
76	817	2.415	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
77	818	2.416	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm

STT	STT TT 23 (cột 1)	Mã kỹ thuật (cột 2)	Tên chương (cột 3)	Tên kỹ thuật (cột 4)
78	819	2.417	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
79	820	2.418	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm
80	821	2.419	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
81	822	2.420	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm
82	823	2.421	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp ức - sườn dưới hướng dẫn của siêu âm
83	824	2.422	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đòn - cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
84	825	2.423	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm
85	826	2.424	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm
86	827	2.425	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
87	828	2.426	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
88	829	2.427	02. NỘI KHOA	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
89	830	2.428	02. NỘI KHOA	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm
90	831	2.429	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
91	912	2.510	02. NỘI KHOA	Tiêm nội khớp: acid hyaluronic
92	913	2.511	02. NỘI KHOA	Điều trị thoái hóa khớp bằng huyết tương giàu tiểu cầu
93	5942	8.7	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cấy chỉ

Tổng số 93 danh mục kỹ thuật./.